

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 19

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Số 72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Chaipatr Srivisarvacha	Chủ tịch
Ông Dong Ju Kim	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Thu Sa	Thành viên
Bà Kittivalai Charoensombut-Amorn	Thành viên
Ông Pinit Puapan	Thành viên
Bà Duangrat Watanapongchat	Thành viên
Ông Trần Như Tùng	Thành viên

Tổng Giám đốc

Ông Trương Gia Bảo	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Trương Gia Bảo

Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 8 năm 2012

Số: 0069/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012, và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công (gọi tắt là “Công ty”), từ trang 3 đến trang 19. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Tổng Giám đốc tại trang 1, việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

Báo cáo tài chính đã được soát xét kèm theo bao gồm số liệu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011. Các số liệu so sánh này chưa được kiểm toán hoặc soát xét theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến cho các số liệu này.



Lê Chí Nguyễn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0049/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 6 tháng 8 năm 2012
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Bùi Văn Trịnh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1808/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Số 72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu số B 01-CTCK

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		294.368.427.269	282.441.319.353
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	287.384.432.717	275.123.670.080
1. Tiền	111		4.228.012.717	5.562.336.747
2. Các khoản tương đương tiền	112		283.156.420.000	269.561.333.333
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	74.979.465	47.231.700
1. Đầu tư ngắn hạn	121		164.997.572	171.777.692
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(90.018.107)	(124.545.992)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.719.246.361	5.020.586.723
1. Phải thu khách hàng	131		428.923.261	304.463.623
2. Trả trước cho người bán	132		44.123.100	44.123.100
3. Các khoản phải thu khác	138	6	4.246.200.000	4.672.000.000
IV. Hàng tồn kho	140		1.516.352.760	1.516.352.760
1. Hàng tồn kho	141	7	1.516.352.760	1.516.352.760
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		673.415.966	733.478.090
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		646.325.966	699.803.090
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		27.090.000	33.675.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		18.257.999.861	20.907.044.899
I. Tài sản cố định	220		16.241.943.088	18.296.265.971
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	6.498.331.064	7.583.402.226
- Nguyên giá	222		18.068.317.283	18.036.878.283
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.569.986.219)	(10.453.476.057)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	9.743.612.024	10.712.863.745
- Nguyên giá	228		17.216.392.166	17.106.339.566
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.472.780.142)	(6.393.475.821)
II. Tài sản dài hạn khác	260		2.016.056.773	2.610.778.928
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.048.823.362	1.649.553.268
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		247.262.851	241.255.100
3. Tài sản dài hạn khác	268		719.970.560	719.970.560
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		312.626.427.130	303.348.364.252

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Số 72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu số B 01-CTCK

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.864.978.638	3.956.727.170
I. Nợ ngắn hạn	310		2.864.978.638	3.956.727.170
1. Phải trả người bán	312		593.982.300	549.859.200
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	2.218.597	4.859.091
3. Chi phí phải trả	316	12	994.468.982	687.153.589
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		10.304.685	11.387.241
5. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	13	1.260.224.370	2.703.440.845
6. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		3.779.704	27.204
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		309.761.448.492	299.391.637.082
I. Vốn chủ sở hữu	410		309.761.448.492	299.391.637.082
1. Vốn cổ phần	411	14	360.000.000.000	360.000.000.000
2. Lỗ lũy kế	420		(50.238.551.508)	(60.608.362.918)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		312.626.427.130	303.348.364.252

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG**Lưu ký chứng khoán**

Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước

Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài

Mã số	30/6/2012	31/12/2011
009	128.431.000	75.484.000
010	8.790.000	-



Trương Gia Bảo

Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 8 năm 2012

Trần Minh Vinh
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Số 72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**
Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012**MẪU SỐ B 02-CTCK**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 (chưa soát xét)
1. Doanh thu	01		22.074.518.469	19.123.256.665
Trong đó:				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	1.1		1.915.615.421	109.342.448
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.2		-	124.010.659
- Doanh thu hoạt động tư vấn	1.5		947.837.125	-
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	1.6		200.000	2.100.000
- Doanh thu khác	1.9	15	19.210.865.923	18.887.803.558
2. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10		22.074.518.469	19.123.256.665
3. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	16	(4.789.870.878)	(9.969.738.379)
4. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	20		17.284.647.591	9.153.518.286
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	16	(6.910.923.387)	(6.198.534.501)
6. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.373.724.204	2.954.983.785
7. Thu nhập khác	31		-	5.454.545
8. Chi phí khác	32		(3.912.794)	(12.585.645)
9. Lỗ từ hoạt động khác	40		(3.912.794)	(7.131.100)
10. Lợi nhuận trước thuế	50		10.369.811.410	2.947.852.685
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	17	-	-
12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.369.811.410	2.947.852.685
13. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	18	288	82

**Trương Gia Bảo****Tổng Giám đốc**

Ngày 6 tháng 8 năm 2012

Trần Minh Vinh**Kế toán trưởng**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Số 72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 03-CTCK

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 (chưa soát xét)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10.369.811.410	2.947.852.685
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.195.814.483	2.147.763.970
Các khoản dự phòng	03	(34.527.885)	(13.846.487.170)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(19.136.351.774)	(18.897.278.977)
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(6.605.253.766)	(27.648.149.492)
Biến động các khoản phải thu	09	(123.882.389)	3.165.802.408
Biến động hàng tồn kho	10	-	(1.051.612.380)
Biến động các khoản phải trả	11	(1.091.748.532)	(117.142.376)
Biến động chi phí trả trước	12	654.207.030	574.748.388
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	6.780.120	379.622.400
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(67.414.325)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(7.159.897.537)	(24.764.145.377)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(141.491.600)	(488.162.500)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	5.454.545
3. Tiền thu hồi từ bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	156.373.243.821
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	19.562.151.774	18.240.202.898
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	19.420.660.174	174.130.738.764
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ	50	12.260.762.637	149.366.593.387
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	275.123.670.080	108.323.408.720
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	287.384.432.717	257.690.002.107



Trương Gia Bảo
Tổng Giám đốc
Ngày 6 tháng 8 năm 2012

Trần Minh Vinh
Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Số 72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 05-CTCK

Đơn vị: VND

	<u>Vốn cổ phần</u> <u>VND</u>	<u>Lỗ lũy kế</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
Số dư tại ngày 1/1/2011	360.000.000.000	(75.669.668.065)	284.330.331.935
Lợi nhuận trong năm	-	15.061.305.147	15.061.305.147
Số dư tại ngày 31/12/2011	360.000.000.000	(60.608.362.918)	299.391.637.082
Lợi nhuận trong kỳ	-	10.369.811.410	10.369.811.410
Số dư tại ngày 30/6/2012	360.000.000.000	(50.238.551.508)	309.761.448.492



Trương Gia Bảo

Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 8 năm 2012

Trần Minh Vinh
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 81/UBCK-GP ngày 31 tháng 1 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 25 người (31 tháng 12 năm 2011: 28 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký quỹ dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Số 72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty là tất cả các khoản công nợ bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, và phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.

Sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Các khoản cổ tức nhận bằng tiền được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với phần phát sinh trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần phát sinh kể từ ngày mua. Các khoản cổ tức nhận bằng cổ phiếu được theo dõi ngoài bảng cân đối kế toán. Công ty không ghi nhận tăng khoản đầu tư cũng như doanh thu cho khoản cổ tức bằng cổ phiếu tự doanh bán ra. Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra. Các khoản đầu tư chứng khoán được trình bày theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua hàng và các chi phí khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Máy móc thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị văn phòng	6 - 8

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ ba đến tám năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí cải tạo văn phòng và các chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ hai đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó. Doanh thu dịch vụ môi giới chứng khoán và tư vấn được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn tất. Doanh thu từ hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận khi Công ty nhận được kết quả giao dịch từ Sở Giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm lỗ mang sang, nếu có) và các khoản thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Số 72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Trích lập quỹ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỉ lệ là 5% và được tiếp tục trích lập cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỉ lệ là 5% và được tiếp tục trích lập cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

Theo Luật chứng khoán Việt Nam số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, Công ty phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại Công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật và sơ suất của nhân viên trong Công ty. Tuy nhiên, hiện tại chưa có các hướng dẫn chính thức của Chính phủ và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước liên quan đến quy định này nên Công ty chưa mua bảo hiểm cũng như trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2012 <u>VND</u>	31/12/2011 <u>VND</u>
Tiền mặt	192.958.667	27.721.145
Tiền gửi ngân hàng	4.035.054.050	5.534.615.602
<i>Trong đó: Tiền của nhà đầu tư</i>	<i>1.140.804.407</i>	<i>2.667.859.676</i>
Các khoản tương đương tiền	283.156.420.000	269.561.333.333
	<u>287.384.432.717</u>	<u>275.123.670.080</u>

Tiền gửi ngân hàng bao gồm cả số tiền của nhà đầu tư tại tài khoản ngân hàng của Công ty là 1.140.804.407 đồng (31 tháng 12 năm 2011: 2.667.859.676 đồng).

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng ngắn hạn có kỳ hạn ba tháng và một tháng. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn cố định hưởng lãi suất trung bình là 11,1%/năm (năm 2011: 14,05%/năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Số 72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**Cổ phiếu
niêm yết
VND**GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ**

Tại ngày 1/1/2012

171.777.692

Giảm trong kỳ

(6.780.120)

Tại ngày 30/6/2012

164.997.572**DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

Tại ngày 1/1/2012

(124.545.992)

Giảm trong kỳ

34.527.885

Tại ngày 30/6/2012

(90.018.107)**GIÁ TRỊ THUẦN**

Tại ngày 30/06/2012

74.979.465

Tại ngày 31/12/2011

47.231.700**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

Các khoản phải thu khác thể hiện tiền lãi dự thu từ các khoản tiền gửi ngắn hạn ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.

7. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện giá trị của 2.000 thiết bị bảo mật tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2012	16.474.433.106	856.829.546	705.615.631	18.036.878.283
Tăng trong kỳ	31.439.000	-	-	31.439.000
Tại ngày 30/06/2012	<u>16.505.872.106</u>	<u>856.829.546</u>	<u>705.615.631</u>	<u>18.068.317.283</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 1/1/2012	(9.647.025.226)	(444.378.734)	(362.072.097)	(10.453.476.057)
Khấu hao trong kỳ	(1.030.357.498)	(42.667.326)	(43.485.338)	(1.116.510.162)
Tại ngày 30/6/2012	<u>(10.677.382.724)</u>	<u>(487.046.060)</u>	<u>(405.557.435)</u>	<u>(11.569.986.219)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2012	<u>5.828.489.382</u>	<u>369.783.486</u>	<u>300.058.196</u>	<u>6.498.331.064</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>6.827.407.880</u>	<u>412.450.812</u>	<u>343.543.534</u>	<u>7.583.402.226</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Số 72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**Phần mềm
VND**NGUYÊN GIÁ**

Tại ngày 1/1/2012

17.106.339.566

Tăng trong kỳ

110.052.600

Tại ngày 30/6/2012

17.216.392.166**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại ngày 1/1/2012

(6.393.475.821)

Khấu hao trong kỳ

(1.079.304.321)

Tại ngày 30/6/2012

(7.472.780.142)**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày 30/6/2012

9.743.612.024

Tại ngày 31/12/2011

10.712.863.745**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**30/06/2012
VND31/12/2011
VNDChi phí di dời, lắp đặt và sửa chữa văn phòng (văn phòng
Thành phố Hồ Chí Minh)

580.286.072

961.111.724

Chi phí hỗ trợ quản lý và kỹ thuật

83.914.080

194.941.866

Bản quyền và phần mềm của thiết bị bảo mật

352.123.200

430.372.800

Chi phí trả trước dài hạn khác

32.500.010

63.126.878

1.048.823.3621.649.553.268**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**30/6/2012
VND31/12/2011
VND

Thuế giá trị gia tăng đầu ra

-

2.467.038

Thuế thu nhập cá nhân

1.189.943

1.194.015

Các loại thuế khác

1.028.654

1.198.038

2.218.5974.859.091**12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**30/6/2012
VND31/12/2011
VND

Lương tháng 13

163.000.000

328.000.000

Phí bảo trì

360.000.000

-

Chi phí hoạt động

98.545.412

106.545.412

Phí môi giới và giao dịch

96.804.800

-

Chi phí khác

276.118.770

252.608.177

994.468.982687.153.589

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Số 72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***13. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	119.419.963	35.581.169
Phải trả nhà đầu tư	1.140.804.407	2.667.859.676
	<u>1.260.224.370</u>	<u>2.703.440.845</u>

14. VỐN CỔ PHẦN

	30/6/2012	31/12/2011
Được phép phát hành và đã góp vốn đủ		
Số lượng (cổ phần)	36.000.000	36.000.000
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	<u>360.000.000.000</u>	<u>360.000.000.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Danh sách các cổ đông sáng lập và cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	<u>VND</u>	<u>%</u>	30/6/2012 <u>VND</u>	31/12/2011 <u>VND</u>
Seamico Securities PLC	-	-	67.965.000.000	67.965.000.000
Công ty Cổ phần Dệt may Đầu tư				
Thương mại Thành Công	35.000.000.000	9,72	89.117.000.000	89.117.000.000
Công ty TNHH Ngọc Phong	10.000.000.000	2,78	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Eland	-	-	20.740.000.000	-
La Mỹ Phương	-	-	35.775.000.000	35.775.000.000
Trần Ái Trung	10.000.000.000	2,78	-	-
Đoàn Quang Sang	12.500.000.000	3,47	2.000.000.000	2.000.000.000
Đặng Triệu Hòa	6.000.000.000	1,67	-	-
Chung Văn Đạt	<u>12.500.000.000</u>	<u>3,47</u>	<u>5.050.000.000</u>	<u>5.050.000.000</u>

15. DOANH THU KHÁC

Doanh thu khác chủ yếu là khoản thu nhập tiền lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng ngắn hạn trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Số 72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***16. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 (chưa soát xét)
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Văn phòng phẩm	38.328.950	29.753.300
Chi phí nhân công	2.421.992.357	2.796.585.080
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.195.814.483	2.147.763.970
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.746.318.247	5.309.207.302
Chi phí khác	2.298.340.228	5.884.963.228
	<u>11.700.794.265</u>	<u>16.168.272.880</u>

17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 (chưa soát xét)
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	10.369.811.410	2.947.852.685
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(159.000)	(240.217.200)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	364.212.794	233.013.195
Thu nhập chịu thuế	10.733.865.204	2.940.648.680
Lỗi tính thuế mang sang	(10.733.865.204)	(2.940.648.680)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 47.005.701.134 đồng (31 tháng 12 năm 2011: 57.739.566.338 đồng) có thể được khấu trừ vào lợi nhuận tính thuế trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại vì không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai. Các khoản lỗ tính thuế của Công ty sẽ hết hạn trong vòng năm năm kể từ năm liền kề sau năm phát sinh khoản lỗ tính thuế. Lợi nhuận từ các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm	30/6/2012 <u>VND</u>	31/12/2011 <u>VND</u>
2013	21.579.380.452	32.313.245.656
2014	15.865.806.179	15.865.806.179
2015	9.560.514.503	9.560.514.503
	<u>47.005.701.134</u>	<u>57.739.566.338</u>

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Số 72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***18. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được tạm tính trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 (chưa soát xét)
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận sau thuế	10.369.811.410	2.947.852.685
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.369.811.410	2.947.852.685
Số cổ phiếu bình quân đang lưu hành	36.000.000	36.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	288	82

19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Báo cáo tài chính này không trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý bởi vì hoạt động chính của Công ty là môi giới giao dịch chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Các hoạt động và các khu vực địa lý này điều không khác biệt nhiều về mức độ rủi ro và khả năng sinh lợi.

20. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo bản án sơ thẩm số 439/2012/KDTM-ST của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 9 tháng 4 năm 2012 liên quan đến vụ kiện giữa Công ty và Ông Nguyễn Thành Chung, Công ty phải trả số tiền vốn đã góp là 4.000.000.000 đồng và 1.220.000.000 đồng tiền lãi cho Ông Nguyễn Thành Chung ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Công ty không trích lập dự phòng cho các khoản công nợ tiềm tàng này vào kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 vì Công ty đánh giá cao khả năng kháng cáo thành công với sự tư vấn pháp lý của luật sư (“Văn phòng Luật sư Phụng Lê”) mà công ty đã ký hợp đồng thuê theo dõi và bảo vệ quyền lợi chính đáng và hợp pháp của công ty.

21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 (chưa soát xét)
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	1.847.804.914	2.215.357.056

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2012 <u>VND</u>	31/12/2011 <u>VND</u>
Trong vòng một năm	1.803.111.202	3.303.554.074
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	426.140.880	772.735.462
	2.229.252.082	4.076.289.536

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh. Các hợp đồng thuê văn phòng có thời hạn là hai và ba năm và kết thúc lần lượt vào năm 2014 và 2012. Số tiền thuê văn phòng là không đổi trong suốt thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông, bao gồm vốn cổ phần và lỗ lũy kế.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	287.384.432.717	275.123.670.080
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	74.979.465	47.231.700
Phải thu khách hàng	428.923.261	304.463.623
Các khoản phải thu khác	4.246.200.000	4.672.000.000
Các khoản ký quỹ dài hạn	719.970.560	719.970.560
	292.854.506.003	280.867.335.963
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	593.982.300	549.859.200
Chi phí phải trả	994.468.982	687.153.589
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.260.224.370	2.703.440.845
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	3.779.704	27.204
	2.852.455.356	3.940.480.838

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (gồm có rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ kế toán như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Số 72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2012	31/12/2011	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ ("USD")	-	-	593.982.300	549.859.200

Rủi ro lãi suất

Tổng hợp số liệu của khoản tài sản tài chính hưởng lãi (các khoản tương đương tiền) của Công ty được trình bày tại thuyết minh số 4 của Thuyết minh này. Chính sách của công ty là duy trì các khoản tương đương tiền hưởng lãi suất cố định.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty áp dụng chính sách chỉ giao dịch với các khách hàng có chỉ số tín dụng đáng tin cậy và yêu cầu đảm bảo trong các trường hợp cần thiết, như là một phương tiện hạn chế rủi ro tín dụng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Công ty đảm bảo duy trì số dư tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản tiền tạo ra đủ để duy trì các hoạt động của Công ty. Tổng Giám đốc của Công ty đảm bảo tính thanh khoản thông qua khả năng tạo ra tiền từ hoạt động kinh doanh và giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì số dư tiền tối thiểu.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm <u>VND</u>	Từ 1 - 5 năm <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
30/6/2012			
Phải trả người bán	593.982.300	-	593.982.300
Chi phí phải trả	994.468.982	-	994.468.982
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.260.224.370	-	1.260.224.370
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	3.779.704	-	3.779.704
	<u>2.852.455.356</u>	<u>-</u>	<u>2.852.455.356</u>
31/12/2011			
Phải trả người bán	549.859.200	-	549.859.200
Chi phí phải trả	687.153.589	-	687.153.589
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	2.703.440.845	-	2.703.440.845
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	27.204	-	27.204
	<u>3.940.480.838</u>	<u>-</u>	<u>3.940.480.838</u>

Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Số 72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
30/6/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	287.384.432.717	-	287.384.432.717
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	74.979.465	-	74.979.465
Phải thu khách hàng	428.923.261	-	428.923.261
Các khoản phải thu khác	4.246.200.000	-	4.246.200.000
Các khoản ký quỹ dài hạn	-	719.970.560	719.970.560
	292.134.535.443	719.970.560	292.854.506.003
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	275.123.670.080	-	275.123.670.080
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	47.231.700	-	47.231.700
Phải thu khách hàng	304.463.623	-	304.463.623
Các khoản phải thu khác	4.672.000.000	-	4.672.000.000
Các khoản ký quỹ dài hạn	-	719.970.560	719.970.560
	280.147.365.403	719.970.560	280.867.335.963

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch với bên liên quan như sau:

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 (chưa soát xét) VND
Seamico Securities PLC		
Chi phí tư vấn	133.220.214	-

Thu nhập của Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 (chưa soát xét) VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	468.588.000	338.032.000



Trương Gia Bảo
Tổng Giám đốc
Ngày 6 tháng 8 năm 2012

Trần Minh Vinh
Kế toán trưởng